

Số: /TB-CDYT

Khánh Hòa, ngày tháng 4 năm 2025

**THÔNG BÁO LẦN 2**  
**Về việc thu nộp học phí Học kỳ II, Năm học 2024 – 2025**

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-CDYT ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y Tế Khánh Hòa về việc quy định mức thu học phí đối với các lớp Cao đẳng chính quy, trung cấp chính quy, Liên thông cao đẳng, hệ dịch vụ: Trung cấp văn bằng 2, các ngành nghề đào tạo liên tục, học lại và học cải thiện, lệ phí xét tuyển và thu bán vé trông giữ xe năm học 2024-2025;

Căn cứ Thông báo số 510/TB-CDYT ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y Tế Khánh Hòa về việc thu học phí các lớp Cao đẳng chính quy, trung cấp chính quy, Liên thông cao đẳng, hệ dịch vụ: Trung cấp văn bằng 2 các ngành nghề đào tạo liên tục, học lại và học cải thiện, lệ phí xét tuyển và thu bán vé trông giữ xe năm học 2024-2025;

Nhà trường thông báo một số nội dung về vấn đề nộp học phí Học kỳ II năm học 2024-2025 của các lớp Cao đẳng, Trung cấp chính quy, Liên thông cao đẳng, Trung cấp văn bằng 2, cụ thể như sau:

**1. Đối với học sinh, sinh viên các lớp**

**a. Thời gian đóng học phí:**

- Học sinh, sinh viên khẩn trương hoàn tất việc đóng học phí theo đúng quy định của nhà trường.

- Thời gian hoàn thành: ***Trước ngày 22 tháng 4 năm 2025.***

**b. Mức đóng học phí:**

Thực hiện theo Quyết định số 317/QĐ-CDYT ngày 07/8/2024 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa, trong đó:

| STT | Tên lớp           | Số HSSV hiện có | Số HSSV chưa nộp học phí | Mức đóng HP (đồng/người) |
|-----|-------------------|-----------------|--------------------------|--------------------------|
| 1.  | Cao đẳng Dược 12A | 44              | 12                       | 6.550.000                |
| 2.  | Cao đẳng Dược 12B | 45              | 18                       | 6.550.000                |
| 3.  | Cao đẳng Dược 12C | 45              | 18                       | 6.550.000                |
| 4.  | Cao đẳng Dược 12D | 41              | 12                       | 6.550.000                |
| 5.  | Cao đẳng Dược 12E | 45              | 21                       | 6.550.000                |
| 6.  | Cao đẳng Dược 13A | 32              | 6                        | 1.965.000                |
| 7.  | Cao đẳng Dược 13B | 34              | 1                        | 1.965.000                |
| 8.  | Cao đẳng Dược 13D | 28              | 1                        | 1.965.000                |
| 9.  | Cao đẳng Dược 13E | 33              | 2                        | 1.965.000                |
| 10. | Cao đẳng Dược 14A | 48              | 12                       | 2.220.000                |

| <b>STT</b>       | <b>Tên lớp</b>                | <b>Số HSSV<br/>hiện có</b> | <b>Số HSSV <i>chưa<br/>nộp học phí</i></b> | <b>Mức đóng HP<br/>(đồng/người)</b> |
|------------------|-------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|
| 11.              | Cao đẳng Dược 14B             | 50                         | 16                                         | 2.220.000                           |
| 12.              | Cao đẳng Dược 14C             | 48                         | 9                                          | 2.220.000                           |
| 13.              | Cao đẳng Dược 14D             | 39                         | 8                                          | 2.220.000                           |
| 14.              | Cao đẳng Điều dưỡng 17A       | 28                         | 14                                         | 6.550.000                           |
| 15.              | Cao đẳng Điều dưỡng 17B       | 31                         | 2                                          | 6.550.000                           |
| 16.              | Cao đẳng Điều dưỡng 17C       | 31                         | 11                                         | 6.550.000                           |
| 17.              | Cao đẳng Điều dưỡng 18A       | 42                         | 3                                          | 1.965.000                           |
| 18.              | Cao đẳng Điều dưỡng 18B       | 40                         | 2                                          | 1.965.000                           |
| 19.              | Cao đẳng Điều dưỡng 19A       | 55                         | 1                                          | 2.220.000                           |
| 20.              | Cao đẳng Điều dưỡng 19B       | 58                         | 6                                          | 2.220.000                           |
| 21.              | Cao đẳng Điều dưỡng 19C       | 47                         | 6                                          | 2.220.000                           |
| 22.              | Cao đẳng KT Hình Ảnh 14       | 8                          | 5                                          | 6.550.000                           |
| 23.              | Cao đẳng KT Hình Ảnh 16       | 11                         | 6                                          | 7.400.000                           |
| 24.              | Cao đẳng KT Xét nghiệm 14     | 12                         | 6                                          | 6.550.000                           |
| 25.              | Cao đẳng KT Xét nghiệm 15     | 11                         | 1                                          | 1.965.000                           |
| 26.              | Cao đẳng KT Xét nghiệm 16     | 16                         | 2                                          | 2.220.000                           |
| 27.              | Cao đẳng Phục hình Răng 5     | 29                         | 5                                          | 6.550.000                           |
| 28.              | Cao đẳng Phục hình Răng 6     | 30                         | 11                                         | 6.550.000                           |
| 29.              | Cao đẳng Phục hình Răng 7     | 35                         | 7                                          | 7.400.000                           |
| 30.              | Cao đẳng Phục hồi chức năng 5 | 11                         | 6                                          | 6.550.000                           |
| 31.              | Cao đẳng Phục hồi chức năng 7 | 23                         | 3                                          | 7.400.000                           |
| 32.              | Cao đẳng Hộ sinh 10           | 6                          | 2                                          | 6.550.000                           |
| 33.              | Cao đẳng Hộ sinh 11           | 6                          | 1                                          | 1.965.000                           |
| 34.              | Cao đẳng Hộ sinh 12           | 21                         | 4                                          | 2.220.000                           |
| 35.              | LTCĐ Dược 8                   | 19                         | 8                                          | 7.500.000                           |
| 36.              | LTCĐ Dược 9                   | 10                         | 5                                          | 7.500.000                           |
| 37.              | LTCĐ KT xét nghiệm 4          | 14                         | 5                                          | 7.000.000                           |
| 38.              | LTCĐ Hộ sinh 5                | 7                          | 5                                          | 6.000.000                           |
| 39.              | LTCĐ Hộ sinh 6                | 25                         | 18                                         | 6.000.000                           |
| 40.              | LTCĐ Điều dưỡng 7             | 11                         | 1                                          | 7.000.000                           |
| 41.              | TCVB2 Y sỹ YHCT 6A            | 10                         | 3                                          | 7.200.000                           |
| 42.              | TCVB2 Y sỹ YHCT 6B            | 17                         | 4                                          | 9.000.000                           |
| 43.              | TCVB2 Dược 8B                 | 4                          | 1                                          | 9.000.000                           |
| 44.              | Y sỹ 32                       | 20                         | 8                                          | 1.725.000                           |
| 45.              | Y sỹ 33                       | 28                         | 6                                          | 1.950.000                           |
| 46.              | Y sỹ Y học cổ truyền 12       | 15                         | 3                                          | 5.750.000                           |
| 47.              | Y sỹ Y học cổ truyền 13       | 11                         | 10                                         | 6.500.000                           |
| <b>Tổng cộng</b> |                               | <b>1352</b>                | <b>317</b>                                 |                                     |

c. Phương thức nộp học phí:

- Nộp học phí bằng hình thức online:

Phòng Đào tạo sẽ cấp cho mỗi HSSV một tài khoản và mật khẩu, HSSV sử dụng tài khoản và mật khẩu đã được cấp cập nhật địa chỉ email của cá nhân vào cổng thông

tin HSSV theo đường dẫn tại Website: <http://daotao.cyk.edu.vn/>

- Nộp học phí bằng tiền mặt:

Học sinh, sinh viên nộp học phí bằng tiền mặt trực tiếp tại **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Khánh Hòa** (Agribank), cung cấp tài khoản và mật khẩu đã được cấp cho cán bộ giao dịch tại quầy giao dịch để nộp học phí.

- Lưu ý khi nộp học phí:

+ Không thực hiện chuyển tiền qua thẻ ATM. Học sinh, sinh viên chụp lại màn hình giao dịch chuyển tiền hoặc giữ biên lai của ngân hàng để đối chiếu với nhà trường trong trường hợp có yêu cầu. Hóa đơn điện tử sẽ được gửi về địa chỉ email HSSV đã cập nhật ở trên ngay sau khi giao dịch chuyển tiền thành công

+ Trường hợp quên mật khẩu, HSSV liên hệ Ths Phan Trung Hậu (số điện thoại: 0905199873) để được cấp lại.

## **2. Đối với nhà giáo chủ nhiệm (NGCN):**

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc HSSV do lớp mình phụ trách để đảm bảo nộp học phí đúng hạn.

- Báo cáo kết quả nộp học phí của lớp mình phụ trách (thông qua cuộc họp giao ban hàng tuần của Khoa).

## **3. Đối với lãnh đạo các khoa:**

- Đôn đốc, nhắc nhở và tổng hợp báo cáo của NGCN về kết quả nộp học phí của giảng viên thuộc khoa mình gửi về Ban giám hiệu (đồng gửi Phòng Hành chính – tài vụ và Phòng đào tạo thông qua báo cáo họp hàng tuần của khoa)

## **4. Đối với Phòng Đào tạo:**

- Kiểm tra, nhắc nhở nhà giáo chủ nhiệm trong vấn đề thu, nộp học phí của lớp mình.

- Phối hợp với Đoàn thanh niên đôn đốc, nhắc nhở HSSV nộp học phí đúng hạn.

## **5. Đối với Phòng Hành chính – tài vụ**

- Thường xuyên phối hợp với nhà giáo chủ nhiệm, Phòng Đào tạo và Đoàn thanh niên đôn đốc, nhắc nhở HSSV nộp học phí đúng hạn.

- Theo dõi, tổng hợp việc nộp học phí của HSSV và báo cáo kết quả nộp học phí học kỳ II năm học 2024-2025 về Ban giám hiệu trước ngày 24/4/2025.

Nhận được thông báo này, yêu cầu học sinh sinh viên, nhà giáo chủ nhiệm, các phòng – khoa khẩn trương, nghiêm túc thực hiện./.

### **Nơi nhận:(VBĐT)**

- Ban giám hiệu (để b/c)
- Các phòng, khoa;
- Đoàn thanh niên;
- Nhà giáo chủ nhiệm;
- Đăng website;
- Lưu: VT, HCTV

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Ngọc Thành**